TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 306/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 02 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 313/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Võ Đại Hoàng V, sinh năm 1979; căn cước công dân số 046079013384, cấp ngày 12/01/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số 02 đường N, phường V, thành phố Huế.

- Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1981; căn cước công dân số 042181014149, cấp ngày 31/12/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số 02 đường N, phường V, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Võ Đại Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ánh T tự nguyện đăng ký hôn vào ngày 27/02/2007 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường T, tỉnh Hà Tĩnh) nên quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh V và chị T chung sống hạnh phúc được 14 năm, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không còn hợp nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh V và chị T đã sống ly thân với nhau từ đầu tháng 9 năm 2025 cho đến nay. Nay anh V và chị T đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh V và chị T đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh V và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh V và chị T.

[2] Về con chung: Anh Võ Đại Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ánh T xác nhận có 02 con chung là Võ Thái B, sinh ngày 13/3/2008 và Võ Hoàng Khánh N, sinh ngày 18/01/2014, các con hiện nay đang ở cùng với anh V.

Anh V, chị T thỏa thuận giao 02 con chung Võ Thái B và Võ Hoàng Khánh N cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Võ Đại Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Võ Đại Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ánh T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Võ Đại Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ánh T xác nhận có 02 con chung là Võ Thái B, sinh ngày 13/3/2008 và Võ Hoàng Khánh N, sinh ngày 18/01/2014.

Giao 02 con chung Võ Thái B và Võ Hoàng Khánh N cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Anh Võ Đại Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ánh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ về tài sản:* Anh Võ Đại Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ánh T xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Võ Đại Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ánh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000430 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh V và chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND P. T, tỉnh Hà Tĩnh (*ĐKKH số 23 ngày 27/02/2007 tại UBND P. B, TX. Hà Tĩnh cũ);*
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh